

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 33/2018/TT-BCT

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2018

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH VỀ THẺ KIỂM TRA THỊ TRƯỜNG

Căn cứ Pháp lệnh Quản lý thị trường ngày 08 tháng 3 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 34/2018/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về Thẻ kiểm tra thị trường.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp lần đầu, cấp lại, thu hồi, tạm đình chỉ sử dụng Thẻ kiểm tra thị trường (sau đây gọi tắt là Thẻ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan Quản lý thị trường các cấp, công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp và các đơn vị trực thuộc.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý và sử dụng Thẻ

- Thẻ được công chức Quản lý thị trường sử dụng để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực quản lý thị trường theo địa bàn hoặc lĩnh vực được phân công.
- Công chức Quản lý thị trường được cấp Thẻ có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn Thẻ được cấp; không được tẩy, xóa, sửa chữa, làm rách, hỏng hoặc đe dọa, gây cản trở hoạt động hợp pháp của tổ chức, cá nhân; trường hợp bị mất phải báo cáo ngay với Thủ trưởng cơ quan quản lý thị trường để cấp lại.
- Nghiêm cấm công chức Quản lý thị trường, các tổ chức, cá nhân có hành vi sản xuất, tàng trữ, mua, bán, làm giả, mượn, cho mượn Thẻ để sử dụng trái quy định.
- Công chức Quản lý thị trường không có Thẻ hoặc trong thời gian bị thu hồi hoặc bị tạm đình chỉ sử dụng Thẻ không được ban hành quyết định kiểm tra.
- Đội trưởng Đội Quản lý thị trường, Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Cục trưởng) có trách nhiệm quản lý, sử dụng Thẻ đối với công chức thuộc đơn vị mình. Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường theo dõi, quản lý Thẻ của công chức trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường.
- Trường hợp từ thời điểm cấp Thẻ tới thời điểm công chức đủ tuổi nghỉ hưu theo chế độ không đủ 05 năm, Thẻ được cấp có thời hạn sử dụng 05 năm.
- Thẻ đã cấp lần đầu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Pháp lệnh Quản lý thị trường được sử dụng theo thời hạn ghi trên Thẻ. Trường hợp công chức không được tiếp tục bổ nhiệm, chuyển công tác hoặc thôi việc thì Thẻ phải được thu hồi.
- Tổng cục Quản lý thị trường lưu trữ hồ sơ cấp Thẻ và bản photo đối với Thẻ được cấp (bao gồm cả cấp lần đầu và cấp lại). Thủ trưởng cơ quan quản lý thị trường cấp Thẻ phải lưu trữ bản photo Thẻ được cấp cho công chức của đơn vị mình (bao gồm cả cấp lần đầu và cấp lại).
- Kinh phí làm Thẻ do Nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Chương II

MẪU THẺ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP LẦN ĐẦU, CẤP LẠI, THU HỒI VÀ TẠM ĐÌNH CHỈ SỬ DỤNG

Điều 4. Mẫu Thẻ

1. Thẻ có hình chữ nhật bằng giấy, kích thước 90mm x 62mm, gồm 02 (hai) mặt, có ép lớp nhựa bảo vệ bên ngoài.

2. Mẫu Thẻ và mô tả Thẻ

a) Đối với Thẻ cấp cho công chức Quản lý thị trường theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Pháp lệnh Quản lý thị trường: thực hiện theo

b) Đối với Thẻ cấp cho công chức Quản lý thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Pháp lệnh Quản lý thị trường: thực hiện theo

3. Con dấu đóng trên Thẻ như sau:

a) Đối với Thẻ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này: đóng dấu của Bộ Công Thương vào phần chữ ký của người cấp Thẻ; đóng 1/4 phải phía dưới ảnh màu của người được cấp Thẻ;

b) Đối với Thẻ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này: đóng dấu thu nhỏ của Tổng cục Quản lý thị trường vào phần chữ ký của người cấp Thẻ; đóng 1/4 phải phía dưới ảnh màu của người được cấp Thẻ.

Điều 5. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lần đầu Thẻ

1. Cấp lần đầu Thẻ là việc công chức Quản lý thị trường lần đầu tiên được cấp Thẻ. Các trường hợp được cấp lần đầu Thẻ, tiêu chuẩn và thủ tục cấp Thẻ quy định tại khoản 1 Điều 13 Pháp lệnh Quản lý thị trường.

2. Hồ sơ cấp lần đầu Thẻ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp lần đầu Thẻ;

b) Danh sách đề nghị cấp lần đầu Thẻ theo mẫu tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phiếu công chức đề nghị cấp lần đầu Thẻ theo mẫu tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này có xác nhận của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh) hoặc xác nhận của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường (đối với công chức thuộc các đơn vị khác trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường);

d) 02 (hai) ảnh màu cỡ 03 cm x 04cm của công chức được đề nghị cấp Thẻ. Trong đó, công chức chụp ảnh mặc trang phục áo thun, quần áo caravat, gắn đầy đủ cấp hiệu Quản lý thị trường. Ảnh chụp trong thời gian không quá 01 năm tính đến thời điểm lập hồ sơ; phiếu công chức đề nghị cấp lần đầu Thẻ theo mẫu tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này có xác nhận của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh (đối với công chức thuộc Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh) hoặc tên đơn vị trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường (đối với công chức thuộc Tổng cục Quản lý thị trường);

đ) 01 (một) bản sao được chứng thực của quyết định bổ nhiệm ngạch công chức chuyên ngành Quản lý thị trường và 01 (một) bản sao được chứng thực của quyết định bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo hiện tại và 01 (một) bản sao được chứng thực của quyết định bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo hiện tại và 01 (một) bản sao được chứng thực của quyết định bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo hiện tại;

e) 01 (một) bản sao được chứng thực của quyết định bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo hiện tại và 01 (một) bản sao được chứng thực của quyết định bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo hiện tại và 01 (một) bản sao được chứng thực của quyết định bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo hiện tại;

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người có thẩm quyền cấp Thẻ xem xét, quyết định cấp Thẻ. Nếu không cấp Thẻ thì người có thẩm quyền cấp Thẻ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Thời hạn phải kéo dài thời hạn xem xét cấp Thẻ thì người có thẩm quyền cấp Thẻ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Thời hạn phải kéo dài thời hạn xem xét cấp Thẻ thì người có thẩm quyền cấp Thẻ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Thời hạn phải kéo dài thời hạn xem xét cấp Thẻ thì người có thẩm quyền cấp Thẻ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại Thẻ

1. Các trường hợp được cấp lại Thẻ, điều kiện cấp lại Thẻ cho từng trường hợp thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh Quản lý thị trường.

2. Hồ sơ cấp lại Thẻ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp lại Thẻ;

b) Danh sách đề nghị cấp lại Thẻ theo mẫu tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phiếu công chức đề nghị cấp lại Thẻ theo mẫu tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này có xác nhận của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh) hoặc xác nhận của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường (đối với công chức thuộc các đơn vị khác trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường);

d) 02 (hai) ảnh màu theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

đ) 01 (một) bản sao được chứng thực của Chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Bộ Công Thương đối với công chức Quản lý thị trường; hoặc 01 (một) bản sao được chứng thực của Chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Bộ Công Thương đối với công chức Quản lý thị trường;

e) 01 (một) bản sao Thẻ cũ tại thời điểm đề nghị cấp lại đối với trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi thông tin ghi trên Thẻ hoặc do Thẻ bị rách, hỏng; hoặc 01 (một) bản sao Thẻ cũ tại thời điểm đề nghị cấp lại đối với trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi thông tin ghi trên Thẻ hoặc do Thẻ bị rách, hỏng;

3. Đối với trường hợp cấp lại Thẻ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh Quản lý thị trường, hồ sơ cấp lại Thẻ phải được nộp kèm theo Thẻ cũ. Thời hạn cấp lại Thẻ ít nhất là 30 ngày. Đối với trường hợp cấp lại Thẻ quy định tại điểm a, điểm b và điểm d khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh Quản lý thị trường, thời hạn cấp lại Thẻ ít nhất là 30 ngày.

Quản lý thị trường trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh các trường hợp cấp lại Thẻ.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người có thẩm quyền cấp lại Thẻ xem xét, quyết định kéo dài thời hạn xem xét cấp lại Thẻ thì người có thẩm quyền cấp lại Thẻ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Thời hạn phải kéo dài thời hạn xem xét cấp lại Thẻ thì người có thẩm quyền cấp lại Thẻ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Thời hạn phải kéo dài thời hạn xem xét cấp lại Thẻ thì người có thẩm quyền cấp lại Thẻ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Công chức Quản lý thị trường nộp lại Thẻ cũ khi được cấp lại Thẻ mới, trừ trường hợp Thẻ bị mất. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Thẻ mới, Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường thu hồi Thẻ cũ và hủy theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Pháp lệnh Quản lý thị trường.

6. Thời hạn sử dụng ghi trên Thẻ không thay đổi khi thực hiện cấp lại Thẻ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh Quản lý thị trường.

Điều 7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thu hồi Thẻ

1. Hồ sơ kiến nghị thu hồi Thẻ gồm có:

a) Danh sách công chức bị kiến nghị thu hồi Thẻ theo mẫu tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Các tài liệu, giấy tờ có liên quan đến các trường hợp bị thu hồi Thẻ quy định tại khoản 1 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ xác định các trường hợp công chức bị thu hồi Thẻ quy định tại khoản 1 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường cấp tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường lập hồ sơ kiến nghị thu hồi Thẻ gửi Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường.

3. Trường hợp Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường không đồng ý kiến nghị thu hồi Thẻ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường kiểm tra và kiến nghị Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường ban hành quyết định thu hồi Thẻ đối với công chức thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Thẻ do người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường ban hành, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường tiến hành thu hồi Thẻ của công chức thuộc thẩm quyền quản lý và gửi hồ sơ về Tổng cục Quản lý thị trường.

6. Đối với Thẻ bị thu hồi, Tổng cục Quản lý thị trường thực hiện cắt chéo 1/2 (một phần hai) Thẻ để không còn giá trị sử dụng. Việc cắt chéo Thẻ phải được ghi rõ lý do thu hồi Thẻ.

7. Trường hợp công chức đã bị thu hồi Thẻ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường khi đề nghị cấp lại Thẻ thì phải chờ được cấp lại Thẻ mới được sử dụng. Trường hợp công chức đã bị thu hồi Thẻ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường khi đề nghị cấp lại Thẻ thì phải chờ được cấp lại Thẻ mới được sử dụng.

8. Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường kiến nghị Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định thu hồi Thẻ đối với công chức thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương.

Điều 8. Hồ sơ, trình tự, thủ tục tạm đình chỉ sử dụng Thẻ

1. Hồ sơ kiến nghị tạm đình chỉ sử dụng Thẻ gồm có:

a) Danh sách công chức bị kiến nghị tạm đình chỉ sử dụng Thẻ theo mẫu tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Các tài liệu, giấy tờ có liên quan đến các trường hợp bị tạm đình chỉ sử dụng Thẻ quy định tại khoản 2 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ xác định các trường hợp công chức bị tạm đình chỉ sử dụng Thẻ quy định tại khoản 2 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường cấp tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường lập hồ sơ kiến nghị tạm đình chỉ sử dụng Thẻ gửi Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường xem xét, quyết định.

3. Trường hợp Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường không đồng ý kiến nghị tạm đình chỉ sử dụng Thẻ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường kiểm tra và kiến nghị Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường ban hành quyết định tạm đình chỉ sử dụng Thẻ đối với công chức thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định tạm đình chỉ sử dụng Thẻ do người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường ban hành, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường tiến hành thu giữ Thẻ của công chức thuộc thẩm quyền quản lý và gửi hồ sơ về Tổng cục Quản lý thị trường.

6. Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường kiến nghị Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định tạm đình chỉ sử dụng Thẻ đối với công chức thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương.

7. Thời hạn tạm đình chỉ sử dụng Thẻ:

- a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường, thời hạn tạm đình chỉ sử dụng Thẻ thẩm quyền quyết định xử lý vụ việc nhưng không quá 02 tháng. Trường hợp có nhiều tình tiết phức tạp thì có thể kéo dài nhưng không quá 03 tháng;
- b) Đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường, thời hạn tạm đình chỉ sử dụng Thẻ bằng thời hạn tạm đình chỉ sử dụng Thẻ;
- c) Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường, thời hạn tạm đình chỉ sử dụng Thẻ là 12 tháng;
- d) Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường, thời hạn tạm đình chỉ sử dụng Thẻ bằng thời hạn tạm đình chỉ sử dụng Thẻ;
8. Khi hết thời hạn tạm đình chỉ sử dụng Thẻ ghi trong quyết định của người có thẩm quyền, công chức được trả lại Thẻ nếu còn thời hạn sử dụng Thẻ. Thẻ bị tạm đình chỉ sử dụng đã hết thời hạn sử dụng thì thực hiện theo thủ tục cấp lại Thẻ quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan Quản lý thị trường các cấp

1. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường, Trưởng các phòng thuộc các đơn vị trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường có trách nhiệm:
- a) Kịp thời tổng hợp danh sách, gửi văn bản đề nghị Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc có thẩm quyền xem xét, quyết định cấp lần đầu, cấp lại, thu hồi, tạm đình chỉ sử dụng Thẻ đối với công chức thuộc đơn vị mình;
- b) Theo dõi, kiểm tra việc bảo quản, sử dụng Thẻ đối với công chức thuộc đơn vị mình theo quy định.
2. Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường có trách nhiệm:
- a) Kịp thời xem xét, tổng hợp danh sách, gửi văn bản đề nghị Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường cấp lần đầu, cấp lại Thẻ của hồ sơ cấp lần đầu, cấp lại, thu hồi, tạm đình chỉ sử dụng Thẻ; kịp thời rà soát, đề nghị cấp Thẻ đối với công chức đáp ứng đủ điều kiện cấp Thẻ;
- b) Thực hiện đúng trình tự, thủ tục về thu hồi, tạm đình chỉ sử dụng Thẻ, trả lại Thẻ bị tạm đình chỉ sử dụng khi được ủy quyền; mở sổ đăng ký tạm đình chỉ sử dụng, trả lại Thẻ bị tạm đình chỉ sử dụng trong phạm vi đơn vị mình quản lý;
- c) Theo dõi, kiểm tra việc bảo quản, sử dụng Thẻ của công chức thuộc đơn vị mình quản lý; định kỳ 03 tháng một lần thực hiện kiểm tra, giao nhận Thẻ được ghi nhận bằng sổ hoặc giấy tờ giao nhận;
- d) Kiến nghị người có thẩm quyền xem xét, quyết định thu hồi, tạm đình chỉ sử dụng Thẻ khi phát hiện công chức Quản lý thị trường vi phạm mục đích hoặc trong các trường hợp khác theo quy định;
- đ) Chủ động trong việc luân chuyển, điều động, sắp xếp, bố trí công chức có Thẻ giữa các đơn vị cấp dưới để đảm bảo phục vụ công tác;
- e) Thực hiện báo cáo Tổng cục Quản lý thị trường về công tác quản lý, sử dụng Thẻ trong đơn vị mình quản lý theo quy định.
3. Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường có trách nhiệm:
- a) Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Công Thương trong việc thống nhất quản lý Thẻ cấp cho công chức Quản lý thị trường theo quy định;
- b) Theo dõi, giám sát, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Thông tư này và báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương theo quy định;
- c) Kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung Thông tư này với Bộ trưởng Bộ Công Thương khi cần thiết.

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị cấp lại Thẻ theo mẫu mới quy định tại Thông tư này đối với công chức thuộc đơn vị mình quản lý về Tổng cục Quản lý thị trường để cấp lại Thẻ;
2. Người có thẩm quyền cấp Thẻ phải thực hiện xong việc cấp lại Thẻ theo mẫu mới trước ngày 30 tháng 12 năm 2019. Trong thời hạn này, Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục sử dụng theo thời hạn ghi trên Thẻ nhưng không quá ngày 30 tháng 12 năm 2019 và phải được cấp lại theo mẫu mới;
3. Thẻ cấp lại theo mẫu mới có thời hạn sử dụng là 05 năm kể từ ngày được cấp lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư này.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 11 năm 2018.
2. Thông tư này thay thế Thông tư số [18/2016/TT-BCT](#) ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thẻ biên bản, quyết định sử dụng trong hoạt động kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính của lực lượng Quản lý thị trường.
3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Công Thương (qua Tổng cục Quản lý thị trường).